

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán chi bổ sung ngân sách tỉnh năm 2025
phân bổ cho các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho Sở Nông nghiệp và Môi trường; và Quyết định số 1656/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 11/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 4940 /QĐ-SNNMT ngày 25 / 6/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025 cho các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch, Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách giao bổ sung năm 2025, trong đó:

1. Tổng Dự toán chi NSNN phân bổ chi tiết cho các đơn vị thuộc Sở: 2.072.000.000 đồng (Chi tiết theo biểu số 1).
2. Dự toán chi NSNN phân bổ chi tiết cho khối Văn phòng Sở: 2.072.000.000 đồng (Chi tiết theo biểu số 2).

Điều 2. Hình thức công khai: phát hành trên hệ thống văn bản điện tử (eGov), đăng trên mục công khai Website Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch, Tài chính, Thủ trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
 - PGD10-KBNN KV XVI;
 - Lãnh đạo Sở;
 - Các phòng thuộc Sở;
 - Lưu: VT; KHTC.
- (Dung-phô tô 2 bản).



Nguyễn Đình Xuân

UBND TỈNH TÂY NINH

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CÔNG KHAI
BỘ SUNG DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC
NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1984/QĐ-SNNMT ngày 25/6/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp 1/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

Mã Chương 412

TT	NỘI DUNG	Tổng số được giao bổ sung	Tổng số đã phân bổ - SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (Mã ĐVQHNS: 1135921)	Trong đó: Phân bổ các đơn vị KHỐI VĂN PHÒNG SỞ (Mã ĐVQHNS: 1135922)	Ghi chú
A	B	C	D	E	
A	PHẦN THU NSNN				
B	PHẦN CHI NSNN (=B.1+B.2)	2.072.770.000	2.072.770.000	2.072.770.000	
B.1	NGÂN SÁCH TỈNH	1.766.750.000	1.766.750.000	1.766.750.000	
I	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (Loại 100, khoản 103)	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	-	-		
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	nguồn 12
	KP thực hiện chuyển đổi số ngành NNMT:	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	
+	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý ngành nông nghiệp "Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)"	960.000.000	960.000.000	960.000.000	
+	Quảng bá sản phẩm nông sản của tỉnh trên "Sàn thương mại điện tử nông sản B2B (Felix.store)"	140.000.000	140.000.000	140.000.000	
II	Chi sự nghiệp Đảm bảo xã hội (Loại 370, khoản 398)	666.750.000	666.750.000	666.750.000	
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	-	-		
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	666.750.000	666.750.000	666.750.000	
	KP Tập huấn, điều tra rà soát hộ nghèo	666.750.000	666.750.000	666.750.000	
B.2	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	306.020.000	306.020.000	306.020.000	MDP 100
I	Chi sự nghiệp Văn hoá Thông tin (Loại 160, khoản 171)	238.680.000	238.680.000	238.680.000	
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	-	-		
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	238.680.000	238.680.000	238.680.000	
	- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	238.680.000	238.680.000	238.680.000	
	Dự án 4 (mã CTMTQG 10476)	238.680.000	238.680.000	238.680.000	
II	Sự nghiệp đào tạo (Loại 070, khoản 098)	67.340.000	67.340.000	67.340.000	
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	-	-		
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	67.340.000	67.340.000	67.340.000	
	- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	67.340.000	67.340.000	67.340.000	
	Dự án 5 (mã CTMTQG 10477)	67.340.000	67.340.000	67.340.000	